



**RESULTS FOR SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2018-2019**

Class: Elementary 1

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking		
													GPA	Ranking	
1	Le Phan Chi Hieu	6.9	6.4	7.0	8.8	9.3				6.2	6.8				
2	Dang Thai Hoa	9.2	8.0	9.0	7.8	7.9				7.8	9.5			8.5	B
3	Nguyen Minh Huan	8.6	5.8	7.0	4.9	3.6				3.2	5.7			5.5	D
4	Bui Tat Ngoc Khanh	7.6	4.5	6.3	4.4	4.1				3.2	5.5			5.1	D
5	Nguyen Gia Khiem	7.7	4.9	7.6	3.9	3.6				3.5	4.9			5.2	D
6	Nguyen Thai Khanh Linh	8.2	8.2	9.5	7.8	6.9				6.6	8.4			7.9	C
7	Le Ngoc Linh	9.7	8.7	9.9	8.6	7.0				8.0	9.4			8.8	B
8	Tran Bao Long	8.7	6.9	6.1	4.7	5.7				3.3	7.0			6.1	D
9	Nguyen Li Ly	9.0	9.0	9.9	9.1	9.1				7.8	9.2			9.0	A
10	Pham Tran Nhat Minh	10.0	9.0	9.6	8.7	9.5				7.7	9.6			9.2	A
11	Tran Giang My	9.0	8.3	9.6	8.1	7.4				8.3	8.5			8.5	B
12	Nguyen An Na	8.8	8.4	8.4	7.3	6.7				7.1	8.2			7.8	C
13	Huynh Le Tuyet Ngan	9.6	7.0	9.3	8.0	7.8				7.8	9.9			8.5	B
14	Nguyen Hoang Khanh Ngoc	9.4	9.5	10.0	9.1	9.2				9.2	9.3			9.4	A
15	Le Minh Phi	9.0	9.6	9.9	8.1	9.5				6.1	9.7			8.8	B
16	Nguyen Lam Di Quan	9.4	9.5	9.9	9.3	9.3				9.3	9.6			9.5	A
17	Tran Ngoc Phuong Quynh	9.4	9.1	9.9	9.1	8.4				8.0	9.3			9.0	A
18	Phan Bach Tue	9.6	8.8	9.4	7.6	7.6				6.8	8.9			8.4	B
19	Bui Le Anh Tuyet	8.1	8.3	9.8	7.6	7.3				7.8	7.7			8.1	B

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Le Thi Tu Uyen

Nguyen Thi Thuy Dung

Nguyen Thi Hong Dung



RESULTS FOR SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2018-2019

Class: Elementary 2

Table with 13 columns: No., Name, Speaking, Listening, Grammar, Reading & Writing, Biology, Geography, Physics, Chemistry, Mathematics, History, Literature, and a Ranking section with GPA and Ranking sub-columns. It lists 19 students with their respective scores and final rankings.

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Kieu Loan

Nguyen Thi Thuy Dung

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2018-2019**

Class: Elementary 3

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Tran Minh An	9.2	8.0	9.6	7.5	6.8				5.9	7.6		7.8	C
2	Nguyen Thi Thuy Anh	9.2	8.0	9.3	7.5	6.6				6.8	8.3		8.0	B
3	Le Quoc Anh	8.3	6.9	8.1	6.0	4.4				5.3	6.4		6.5	C
4	Van Cong Gia Binh	8.7	7.4	9.3	6.8	7.0				6.2	7.4		7.5	C
5	Tran Dai Cat	8.4	5.6	6.4	4.6	5.7				5.9	6.4		6.1	D
6	Pham Minh Hanh	9.1	8.8	9.7	8.2	8.4				6.5	7.9		8.4	B
7	Nguyen Bao Huy	8.8	8.3	9.3	6.7	6.3				6.6	5.6		7.4	C
8	Duong Gia Hy	9.1	8.0	9.1	8.1	9.0				7.8	7.8		8.4	B
9	Ly Khanh Linh	9.3	8.0	9.5	7.1	6.6				7.4	8.0		8.0	B
10	Nguyen Quynh Mai	8.9	8.3	9.4	7.8	8.1				8.2	7.2		8.3	B
11	Lam Duc Minh	9.7	9.2	9.7	9.2	9.1				7.2	9.4		9.1	A
12	Le Ngoc Bao Ngan	9.6	8.8	9.3	9.1	9.3				8.9	9.3		9.2	A
13	Doan Vuong Song Nghi	9.7	9.2	9.9	9.5	9.3				8.4	9.2		9.3	A
14	Nguyen Xuan Nghia	9.0	9.7	9.9	9.7	9.6				9.2	9.0		9.4	A
15	Do Ngoc Van Nhi	9.9	9.6	10.0	9.9	9.6				10.0	9.2		9.7	A
16	Pham Minh Nhu	9.7	9.3	9.5	8.5	7.9				6.9	9.0		8.7	B
17	Nguyen Sinh Phuc	9.1	8.9	9.8	8.6	8.0				8.1	7.8		8.6	B
18	Hoang Ngo Minh Thu	8.8	7.9	9.4	7.1	5.4				6.2	7.0		7.4	C
19	Vo Ngoc Bao Uyen	9.3	8.4	8.7	7.3	6.1				7.0	7.2		7.7	C
20	Tran Huynh Khanh Vy	9.7	9.8	9.8	9.1	9.2				8.8	9.3		9.4	A

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Hai

Nguyen Thi Thuy Dung

Nguyen Thi Hong Dung



**RESULTS FOR SEMESTER 2
SCHOOL YEAR 2018-2019**

Class: Elementary 4

No.	Name	Speaking	Listening	Grammar	Reading & Writing	Biology	Geography	Physics	Chemistry	Mathematics	History	Literature	Ranking	
													GPA	Ranking
1	Pham Nhat Anh	9.1	8.0	9.3	9.1	9.9				8.7	9.2		9.0	A
2	Nguyen Hoang Thien Dung	8.1	7.5	8.8	7.8	5.8				6.1	8.3		7.5	C
3	Nguyen Phan My Duyen	8.2	5.6	8.5	6.4	7.0				6.5	6.9		7.0	C
4	Le Tran Khanh Linh	7.7	5.2	8.3	6.0	4.0				4.3	6.2		6.0	D
5	Pham Duc Minh	8.3	5.9	7.8	6.0	4.8				5.7	7.0		6.5	C
6	Tran Xuan Nam	8.6	7.9	8.5	6.9	7.0				5.1	7.2		7.3	C
7	Huynh Nguyen Minh Nghi	9.9	8.9	9.9	8.5	8.9				8.3	9.6		9.1	A
8	Dang Minh Quan	8.4	7.7	8.9	6.9	6.0				5.4	7.0		7.2	C
9	Tang Nguyen Gia Thuan	9.1	7.5	9.4	8.1	8.2				9.2	7.8		8.5	B
10	Le Anh Thy	8.9	7.5	9.6	7.9	7.2				8.6	7.7		8.2	B
11	Ngo Duc Tri	9.0	6.9	8.6	7.6	6.4				6.9	6.9		7.5	C
12	Nguyen Huynh Xuan Uyen	8.3	6.4	7.9	6.4	5.7				6.1	6.1		6.7	C
13	Doan Ngoc Anh	8.4	7.2	9.3	7.3	7.7				7.1	7.1		7.7	C
14	Nguyen Phan Nguyet Anh	9.4	9.5	9.9	8.6	9.7				9.7	9.1		9.4	A
15	Dinh My Hoa	9.4	9.0	9.6	8.3	7.8				9.4	8.3		8.8	B
16	Duong Yen Nhi	8.1	5.7	8.2	6.6	7.4				7.0	7.5		7.2	C
17	Huynh Nguyen Xuan Phuong	8.3	7.6	9.4	7.4	6.3				6.7	6.8		7.5	C
18	Ha Tri Quan	8.7	7.6	9.3	6.7	6.8				5.6	7.5		7.5	C
19	Nguyen Minh Thao Vy	9.0	8.3	9.8	7.7	8.5				9.5	8.5		8.8	B
20	Lam Trieu Thai Truong	7.8	6.3	7.7	5.3	6.7				5.2	6.9		6.6	C
21	Ngo Hoang Gia Bao	8.8	7.9	8.2	8.1	8.5				5.6	7.6		7.8	C
22	Do Hong Nhat Anh	9.2	8.6	9.1	8.1	8.6				6.5	8.4		8.4	B

Class Teacher

IP. Manager

Checked by

Nguyen Thi Thuy

Nguyen Thi Thuy Dung

Nguyen Thi Hong Dung